

Số: 52/2019/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý phát triển
ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 31/2016/TT-BNTMT ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 272/TTr-SNN&PTNT ngày 23 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công trách nhiệm quản lý, phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Quyết định này thay thế Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định Tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 13/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 71/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc Ban hành Quy định phân công trách nhiệm quản lý phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh An Giang.



Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Phòng KTN, phòng HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Ủy ban Nhân
dân tỉnh
Email:
ubnd@angiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh An Giang
Ngày ký: 30-10-2019
08:16:55 +07:00

Trần Anh Thư



QUY ĐỊNH

**Phân công trách nhiệm quản lý phát triển ngành nghề nông thôn
trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng năm
2019 của UBND tỉnh An Giang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài trực tiếp đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn (sau đây gọi chung là cơ sở ngành nghề nông thôn) bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình hoạt động theo quy định của pháp Luật.
2. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan tới công tác quản lý ngành nghề nông thôn (cả trung ương và địa phương).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo Điều 3 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 4. Hoạt động ngành nghề nông thôn

Các hoạt động ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4, Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ, như sau:

1. Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
2. Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.
3. Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn.
4. Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ.
5. Sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh.
6. Sản xuất muối.

7. Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.

Chương II

CÔNG NHẬN NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ, LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG

Điều 5. Tên, thành viên của nghề truyền thống, làng nghề

1. Tên của nghề truyền thống, làng nghề:

a) Tên nghề truyền thống: Được đặt theo tên của nghề đạt các tiêu chí xét công nhận nghề truyền thống và gắn liền với tên địa danh của một huyện, thị, thành.

b) Tên của làng nghề: Tên của làng nghề gắn liền với tên của nghề và địa danh (khóm, ấp, xã, phường, thị trấn...). Nếu trên địa bàn có nhiều nghề, thì tên của làng nghề vẫn được lấy tên của nghề gắn với địa danh. Trường hợp liên xã, phường, thị trấn nào có số hộ tham gia nghề nhiều hơn thì tên làng nghề được gắn với tên địa danh ở địa phương đó.

2. Thành viên của nghề truyền thống, làng nghề:

a) Thành viên của nghề truyền thống: Là hộ, tổ chức sản xuất kinh doanh hoặc nhóm hộ, nhóm tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn của huyện, thị, thành có các hoạt động sản xuất ngành nghề nông thôn được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

b) Thành viên của làng nghề: Là cá nhân, hộ sản xuất, tổ hợp tác, hợp tác xã, các cơ sở, doanh nghiệp và các hiệp hội, hội nghề nghiệp có tham gia sản xuất ngành nghề nông thôn; các thành viên trong làng nghề bình chọn một tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho làng nghề được chính quyền địa phương công nhận; tổ chức hoặc cá nhân được chọn làm đại diện cho làng nghề phải có tâm huyết, uy tín với nghề, có khả năng tuyên truyền vận động nhiều hộ dân trong khu vực, địa phương tham gia xây dựng và phát triển làng nghề, có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người sản xuất, tìm hiểu và tiếp nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước hoặc các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước (nếu có).

Điều 6. Tiêu chí công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Theo Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

Điều 7. Công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Hồ sơ, trình tự xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thực hiện theo Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

2. Thời gian xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền



thống.

Thời gian công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh được thực hiện trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

Điều 8. Thành lập Hội đồng xét công nhận

Thành phần Hội đồng có từ 7 hoặc 9 thành viên gồm:

1. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ tịch Hội đồng;
2. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng;
3. Lãnh đạo Sở Công Thương: Phó Chủ tịch Hội đồng;
4. Lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ. Văn hóa Thể thao và Du lịch: Ủy viên;
5. Một số tổ chức và cá nhân khác (nếu có): Ủy viên.

Điều 9. Nhiệm vụ của Hội đồng

Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức họp thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

Điều 10. Phương thức, cơ chế hoạt động của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể thông qua các phiên họp dưới sự chủ trì của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng (khi được ủy quyền). Hồ sơ xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải gửi đến các thành viên Hội đồng trước phiên họp của Hội đồng ít nhất 03 ngày.

Kỳ họp xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống của Hội đồng phải có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng mời tham dự.

Hội đồng xét công nhận thông qua bằng hình thức bỏ phiếu kín và được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan. Nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận phải đạt ít nhất 2/3 số phiếu đề nghị trên tổng số thành viên có mặt tham dự phiên họp.

Điều 11. Thu hồi giấy công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống sau khi được công nhận không đạt tiêu chí quy định sẽ bị thu hồi bằng công nhận. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, thu hồi bằng công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

2. Đối với các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận trước ngày 01/06/2018 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP có hiệu lực chưa đạt theo tiêu chí quy định tại Điều 6,7,8 Quy



định này, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện việc khắc phục.

Điều 12. Quyền lợi, nghĩa vụ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

1. Quyền lợi

a) Được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy công nhận nghề truyền thống, giấy công nhận làng nghề, giấy công nhận làng nghề truyền thống.

b) Được hưởng những chính sách ưu đãi về phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và ngành nghề nông thôn của tỉnh và các chính sách hiện hành của Nhà nước có liên quan.

c) Những nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống có nhiều thành tích trong việc phát triển nghề, góp phần phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương, nâng cao đời sống nhân dân được Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng.

2. Nghĩa vụ

a) Nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp Luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - văn hóa xã hội, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống ở địa phương.

b) Duy trì, xây dựng và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống ổn định, bền vững, gắn với du lịch, an toàn lao động và đảm bảo vệ sinh môi trường.

c) Đối với các chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề phải thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

d) Tích cực đầu tư, mở rộng sản xuất, cải tiến thiết bị công nghệ, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tiến mẫu mã nhằm đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm để sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật ngày càng cao, được thị trường trong nước và ngoài nước ưa chuộng.

đ) Tích cực mở rộng và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, khai thác và phát triển nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.

e) Huy động các nghệ nhân, thợ giỏi, cá nhân, hộ gia đình tích cực tham gia công tác truyền nghề, dạy nghề cho người lao động và duy trì, phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống ổn định, bền vững.

g) Báo cáo định kỳ hằng năm vào ngày 30/10 hoặc đột xuất (nếu có) về tình hình hoạt động, công tác bảo vệ môi trường làng nghề và các báo cáo theo quy định khác về cho Ủy ban nhân dân cấp xã.



Chương III

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN NGÀNH NGHỀ NÔNG THÔN

Điều 13. Nội dung quản lý nhà nước về ngành nghề nông thôn

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện: Các quy hoạch, kế hoạch giai đoạn và hàng năm; đề án, chương trình, dự án về ngành nghề nông thôn.
2. Ban hành các chủ trương, chính sách bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn; tổ chức triển khai, tuyên truyền, vận động, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển ngành nghề nông thôn.
3. Thực hiện vai trò hướng dẫn, hỗ trợ, định hướng phát triển và quản lý tình hình hoạt động làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.
4. Thu thập thông tin, thống kê, báo cáo số liệu, tình hình các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề theo định kỳ và đột xuất; tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề theo chức năng được quy định.
5. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ và hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về làng nghề, ngành nghề nông thôn cho các cơ sở ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.
6. Hỗ trợ theo quy định các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề trong quá trình hoạt động về: Sản xuất, chế biến, thị trường tiêu thụ, vốn, thuế, đất đai, khoa học công nghệ, lao động và môi trường.
7. Tổ chức công nhận, đăng ký và giám sát chất lượng sản phẩm thuộc lĩnh vực làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp Luật.
8. Thực hiện các nội dung khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Phân công trách nhiệm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định. Là cơ quan thường trực của Hội đồng xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; làm đầu mối tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và đơn thư khiếu nại (nếu có). Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định quy mô, vị trí và năm hình thành nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét công nhận.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương điều tra, thống kê, báo cáo số liệu, tình hình hoạt động của làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông



thôn định kỳ hàng năm hoặc đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chính sách phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn; Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các chính sách về khuyến khích, hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch hàng năm và giai đoạn, chương trình, đề án, dự án về phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề; Hàng năm, xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

đ) Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công tác xúc tiến thương mại trong lĩnh vực nông, lâm sản và thủy sản.

e) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, các hoạt động có liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ từ chính sách; tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn các văn bản quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý.

g) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc công nhận hoặc thu hồi quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

h) Thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của làng nghề và cơ sở ngành nghề nông thôn.

2. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai có hiệu quả Chương trình Khuyến công; tổ chức thực hiện chương trình, đề án, dự án, cơ chế, chính sách, kế hoạch, công tác dự báo thị trường, hoạt động xúc tiến thương mại trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn; Nghiên cứu đẩy mạnh các giải pháp tích cực áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn liên quan đến thương mại, thị trường, tư vấn xuất khẩu.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành liên quan tiến hành thẩm định thực tế hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.



d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận.

đ) Tổ chức thực hiện hoạt động phát triển cụm công nghiệp, chương trình hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định của pháp Luật.

e) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tập huấn, phổ biến, hướng dẫn các văn bản quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành tổ chức hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề; quản lý đối với làng nghề ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn; hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong làng nghề và khu vực nông thôn thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định; khuyến khích các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề sử dụng công nghệ thân thiện môi trường, hạn chế các chất thải gây ô nhiễm môi trường.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện việc đánh giá tác động, phân loại các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh theo mức độ ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp Luật hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chính sách về giao đất, thuê đất, cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề theo quy định của Luật Đất đai hiện hành; các chính sách về bảo vệ môi trường có liên quan trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu bố trí, quy hoạch đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề; hướng dẫn, giải quyết các thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, làng nghề.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thanh tra, kiểm tra tình hình ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, ngành nghề nông thôn để kịp thời có hướng xử lý.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Triển khai các đề tài, dự án, kế hoạch hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ thân thiện môi trường cho lĩnh vực phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề để tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của làng nghề, ngành nghề nông thôn. Quản lý các công nghệ đưa vào sản xuất, hạn chế việc đưa công nghệ cũ, lạc hậu vào các cơ sở làng nghề, ngành nghề nông thôn.

b) Chủ trì hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ đối với những sáng chế trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn, làng nghề, hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu, chỉ



dẫn địa lý cho các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn đặc trưng theo phương án xác lập quyền sở hữu công nghiệp.

c) Có kế hoạch ưu tiên nghiên cứu các đề tài về phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với nhu cầu thực tế địa phương trong công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hỗ trợ các làng nghề, cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn quảng bá các sản phẩm gắn kết với chương trình du lịch làng nghề, du lịch văn hóa dân tộc trên cơ sở phát huy thế mạnh về danh lam, thắng cảnh, truyền thống văn hóa của địa phương.

b) Hỗ trợ tư vấn phát triển các sản phẩm du lịch làng nghề, làng nghề truyền thống phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Xây dựng các chương trình, dự án, đề án hỗ trợ phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ du lịch làng nghề.

6. Trung tâm Xúc tiến thương mại và Đầu tư tỉnh

a) Hỗ trợ các cơ sở trong làng nghề và ngành nghề nông thôn tham gia xúc tiến thị trường, tham gia các kỳ hội chợ trong và ngoài tỉnh để tiếp cận thị trường, tiêu thụ sản phẩm.

b) Hỗ trợ thiết kế mẫu mã sản phẩm cho các cơ sở, làng nghề, ngành nghề nông thôn; hỗ trợ xúc tiến, quảng bá du lịch làng nghề, ngành nghề nông thôn.

c) Thông tin và hỗ trợ các cơ sở trong làng nghề, ngành nghề nông thôn tham gia các chương trình như: Hội thảo, hội nghị kết nối cung cầu.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành liên quan hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các chính sách về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và các quy định về lao động, an toàn vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội để phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề trong đó tập trung đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề nông thôn. Thu hút các nghệ nhân tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận, bảo tồn làng nghề truyền thống, đồng thời hỗ trợ kinh phí tổ chức đào tạo nghiệp vụ sư phạm nghề nghiệp, kỹ năng dạy học cho các nghệ nhân.

8. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ hoạt động phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn cho các cơ quan, đơn vị có liên quan, trên cơ sở lồng ghép với các chương trình, dự án, các nguồn kinh phí khác và theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.



9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện chính sách hỗ trợ cho hoạt động phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thủ tục, thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án, đề án phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo Luật Đầu tư.

c) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và xử lý vi phạm theo quy định Luật Đầu tư.

10. Hội Nông dân tỉnh

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vận động, tuyên truyền các chủ trương chính sách về làng nghề, ngành nghề nông thôn cho các đoàn viên, hội viên và tổ chức, cá nhân cùng tham gia phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

11. Liên minh hợp tác xã tỉnh.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng hợp tác xã; hỗ trợ thành lập hợp tác xã; phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

12. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh An Giang

Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trên địa bàn bố trí nguồn vốn để cho vay thực hiện chương trình phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn theo quy định của Nhà nước.

13. Các sở, ban, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện có hiệu quả việc hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thông qua các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch.

14. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về làng nghề, ngành nghề nông thôn và phối hợp với các cơ quan liên quan để giải quyết những nội dung liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

b) Hàng năm, điều tra, khảo sát tình hình sản xuất, kinh doanh thực tế của các làng nghề, cơ sở ngành nghề nông thôn có tiềm năng, nghiên cứu nguồn lực sẵn có ở địa phương để xây dựng kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề,



ngành nghề nông thôn trong kế hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn ở địa phương từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác.

c) Căn cứ các tiêu chí theo quy định chỉ đạo khảo sát lập hồ sơ các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đủ điều kiện trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét công nhận; tổng hợp danh sách, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để xem xét, thu hồi quyết định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống nếu không đạt tiêu chí quy định tại Điều 5 của Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ, các cơ sở trong làng nghề, ngành nghề nông thôn phát triển và chuyển đổi thành các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc tự nguyện thành lập các hợp tác xã hoặc tổ chức kinh tế hợp tác.

đ) Chủ trì và phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng bộ nhận diện thương hiệu (logo) du lịch làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn; thiết kế, sáng tác mẫu mã sản phẩm quà tặng lưu niệm du lịch cho làng nghề, làng nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn có tiềm năng du lịch; xây dựng các điểm dừng chân cho du khách có trưng bày các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn.

e) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các sở, ngành tỉnh quản lý, kiểm tra, giám sát các cơ sở làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

g) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thống kê, tổng hợp số liệu, tình hình hoạt động của làng nghề và các cơ sở ngành nghề nông thôn báo cáo định kỳ hàng năm và báo cáo đột xuất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

h) Hàng năm, lập kế hoạch, chương trình hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

i) Phát triển hạ tầng du lịch làng nghề, khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề tại địa phương.

k) Phối hợp với các sở, ban, ngành hướng dẫn, tổ chức thực hiện, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn; tuyên truyền, phổ biến chính sách khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn đến các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án, các hoạt động có liên quan đến phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn để được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

15. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chịu trách nhiệm thống kê, tổng hợp báo cáo số liệu, tình hình hoạt động các làng nghề, ngành nghề nông thôn định kỳ hàng năm và đột xuất trên địa bàn



cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và có những đề xuất, kiến nghị kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp huyện để giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ sở làng nghề, ngành nghề nông thôn.

b) Tổ chức tuyển chọn, đề cử, lập danh sách, xác nhận và hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống theo quy định.

c) Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác quản lý, triển khai các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch.

d) Phối hợp với các bộ phận chuyên môn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyên truyền, vận động, phổ biến các chủ trương chính sách khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ cho việc hình thành, phát triển các ngành nghề mới và các cơ sở mới thành lập ở địa phương.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn triển khai, theo dõi thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hàng năm.

2. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai thực hiện tốt những nội dung, nhiệm vụ được giao theo Quy định này và báo cáo kết quả thực hiện về cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15/11 hàng năm.

3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời kiến nghị bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Thư